TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH** Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST Ngày 18/5/2023 V/v hôn nhân gia đình	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dinh và ông Ngô Văn Sang.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Thái Thụy, Thái Bình.

Bị đơn: Anh Lương Ngọc V, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Thái Thụy, Thái Bình.

(Chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Chị và anh Lương Ngọc V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 11/5/1999. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường đến đầu năm 2020 phát sinh nhiều mâu, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh V thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V.

- Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là Lương Ngọc Q, sinh ngày 07/5/2007 và Lương Ngọc C, sinh ngày 02/4/2009. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Lương Ngọc C, anh V nuôi con Lương Ngọc Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Chị và anh V không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Lương Ngọc V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại biên bản lấy lời khai anh V trình bày:*

Anh V và chị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn từ năm 1999 như chị L đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau không nảy sinh mâu thuẫn gì lớn. Đến khoảng năm 2018 thì chị L đi làm công nhân và thuê nhà ở riêng, từ đó chị L thay đổi tính tình không còn yêu thương anh. Đến năm 2020 thì chị L không về chung sống cùng anh nữa. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân anh đã đến nhà mẹ đẻ chị L ở cùng xã để gặp và thuyết phục chị L về chung sống nhưng chị L đều tránh mặt, không gặp anh. Nay chị L xin ly hôn anh quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn. Về con chung, vợ chồng anh có hai con chung như chị L đã trình bày. Nếu phải ly hôn, anh tôn trọng nguyện vọng của các con, các con mong muốn ở cùng ai, đề nghị Tòa án giao con cho người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung của anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Lương Ngọc V; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi Lương Ngọc C, sinh ngày 02/4/2009 và giao cho anh Lương Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng Lương Ngọc Q, sinh ngày 07/5/2007. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Lương Ngọc V đang cư trú tại xã P, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Anh V được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lương Ngọc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy vào ngày 11/5/1999. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng trong công việc, nơi cư trú. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Anh V không đồng ý ly hôn nhưng khi tòa án đã triệu tập, thông báo anh V đến tòa án để hòa giải và tham gia phiên Tòa nhưng anh V đều không đến tòa án. Chứng tỏ anh V không thiết tha gì việc đoàn tụ với chị L. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị L và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh V và chị L có hai con chung là Lương Ngọc Q, sinh ngày 07/5/2007 và Lương Ngọc C, sinh ngày 02/4/2009. Ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Lương Ngọc C, giao cho anh V nuôi dưỡng cháu Lương Ngọc Q. Nguyện vọng của chị L phù hợp với nguyện vọng của cháu Châu, cháu Quý và anh V. Vì vậy cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu, giao cho anh V trực tiếp nuôi cháu Quý là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh V và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh V có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị

Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Lương Ngọc V.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi Lương Ngọc C, sinh ngày 02/4/2009 và giao cho anh Lương Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng Lương Ngọc Q, sinh ngày 07/5/2007. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Trần Thị L và anh Lương Ngọc V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005268 ngày 16/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Lương Ngọc V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã P.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**